

TÌM HIỂU THÊM VỀ TẬP TỤC HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI CƠ - TU

LƯU HÙNG

Vấn đề hôn nhân của người Cơ-tu đã được đề cập tới một cách khá tập trung trong các bài hay chương viết về dân tộc này. Đặc biệt 2 bài mang tính chuyên đề: bài “Đôi nét về quan hệ hôn nhân gia đình ở người Pahi và Catu ở Tây Thừa Thiên - Quảng Nam” của Nguyễn Hữu Thấu(1); bài “Về quan hệ hôn nhân và gia đình người Cơ-tu” của Phạm Quang Hoan(2). Qua đó, dấu vết hình thức hôn nhân lưỡng hợp thị tộc, tàn tích liên minh hôn nhân 3 thị tộc, tổ chức cưới gả v.v... về dân tộc này đã được sáng tỏ.

Bài viết nhỏ này nhằm đóng góp thêm vào đó ở một số điểm, bằng tư liệu điền dã qua vài chuyến lên vùng người Cơ-tu ở miền núi Quảng Nam - Đà Nẵng. Xung quanh chủ đề hôn nhân - cưới xin, những khía cạnh sẽ được trình bày nhằm bổ sung chút ít tư liệu đáng được nói đến hoặc nói đến rõ hơn.

I. Tục tình tự đêm của trai gái chưa lập gia đình

Người Cơ-tu gọi đó là *chroanh chrmuông*, thường diễn ra trong quan hệ giữa nam nữ thanh niên khác làng nhau. Theo tục lệ cũ, con trai con gái Cơ-tu được cà răng vào độ tuổi 13-15, và sau sự kiện mang ý nghĩa tục lệ thành đinh ấy, họ được coi là người lớn, mà một trong những điểm mới so với trước thể hiện trong đời sống xã hội là họ được có quan hệ luyến ái. Khách đến làng, nếu là trai chưa vợ, kể cả người khác tộc, đều có thể và thậm chí còn được các già làng khuyến khích, gợi ý đi tình tự với cô gái làng chưa chồng nào đó. Dường như hình thức “đi sim” ở người Bru-Vân Kiều và Tà-ôi cũng có phần tương tự. Đến tuổi trưởng thành, trai gái Bru-Vân Kiều thường đến ngủ tập trung ở nhà công cộng của làng hay đưa nhau vào các chòi nhỏ

xa làng “để chuyện trò tìm hiểu, hát đối đáp với nhau”(3), trai gái Tà-ôi” sau những giờ làm việc có thể theo nhau vào rừng, vào các xu (chòi) đã được dựng sẵn để thổ lộ nỗi niềm, hoàn cảnh...”(4)- Đó là những dịp họ tâm tình, gần gũi nhau, trao tặng quà kỷ niệm, rồi nếu tâm đầu ý hợp và được gia đình chấp thuận thì có thể tiến tới kết hôn. Còn ở vùng Cơ-tu, việc *chroanh chrmuông* chỉ được cộng đồng và các thiếu nữ chấp nhận trong khoảng thời gian 9 tháng đầu năm, tránh thời kỳ cuối năm phải tập trung vào tuốt lúa rẫy, săn bắn và chuẩn bị Tết. Đôi trai gái chỉ được dẫn nhau đi chơi khi đêm đã khuya. Họ có thể tình tự trên sàn ở dưới bất kỳ kho thóc nào của dân làng hoặc ra chòi rẫy nơi gần làng. Mặc dù mọi người đều tạo điều kiện để họ được yên tĩnh, tự do, và mặc dù gia đình cô gái vui mừng, có khi còn mời chàng trai uống rượu, ăn thịt gà trước lúc đi với con gái mình, gia đình chàng trai cũng phẫn khởi mỗi lần anh ta trở về, nhưng theo tập tục, anh ta phải về nhà trước khi trời sáng. Cần nói thêm, tham gia *chroanh chrmuông* chỉ gồm thanh niên nam nữ còn son rỗi hoàn toàn, chưa bị ràng buộc gì bởi lời hứa hôn với người khác, kể cả trường hợp con cô-con cậu mà đã ưng ý nhau cũng bị loại trừ khỏi sinh hoạt hấp dẫn này. Thời trai trẻ, có những người gặp gỡ kiểu này hàng mấy chục cô gái, ở các làng khác nhau, rồi mới lấy vợ. Có thể đi với mỗi cô một lần hay nhiều lần. Đương nhiên, nếu việc tình tự dẫn đến làm cô gái mang thai thì đó là trọng tội, cả 2 sẽ bị hình phạt khắc nghiệt theo luật tục.

(1) TC.DTH số 1-1976, tr. 80-87

(2) TC.DTH số 4-1979, tr. 40-45

(3,4) Nguyễn Quốc Lộc chủ biên: “Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên”. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1984, bài của Nguyễn Xuân Hồng - tr. 132, của Nguyễn Hữu Thông - tr. 165

Người Cơ-tu rất phản đối việc chữa hoang và ngoại tình. Hôn nhân ở đây mang tính mua bán đối với người con gái. Song, với hình thức *chroanh chrmuong*, trai gái được quan hệ riêng để dãi, hợp thức với nhau trên cương vị bạn tình. Đó là sự đáp ứng nhu cầu yêu đương tự do của tuổi trẻ trước khi bước tới cuộc sống gia đình lứa đôi, là một cơ hội cho thanh niên nam nữ tìm hiểu nhau, tìm bạn đời. Do hoàn cảnh kháng chiến ác liệt thời chống Mỹ, từ cuối thập niên 50 của thế kỷ XX, tục này đã không còn nữa.

II. Nạn “đầu tôi”

Không hiểu tại sao nảy sinh thuật ngữ nạn “đầu tôi”, có người lại gọi là “hôn nhân ký của”. Đồng bào Cơ-tu thì gọi là “*dap nhar*” hay “*tap luenh*”, hay “*pa-noi pa-noc*”, v.v. Nó được đề cập đến như một hình thức thực hiện hôn nhân(1), một biểu hiện cực đoan của hôn nhân mang tính mua bán - “người thì bán non con gái, kẻ thì mua non cho vợ mình hay cho con trai mình”(2).

Muốn tổ chức cưới hỏi, cần có một khoản của cải lớn, khiến một số người phải vay mượn hay nhờ người khá giả giúp đỡ. Trong trường hợp này, nếu là nhà nghèo, lương trước không có khả năng thanh toán món nợ, và nhiều khi cũng không hẳn chỉ những nhà nghèo, bên vay hứa hẹn trước: Khi sinh con gái thứ nhất sẽ gả cho bên chủ nợ. Đó là nội dung của khái niệm “hôn nhân ký của” hay hiện tượng “đầu tôi” ở tộc Cơ-tu.

Vậy thực chất “nạn đầu tôi” cần được hiểu thế nào? Với nội dung như vừa nêu khái quát trên đây, dễ bề nhận xét đó là một hình thức hôn nhân mua bán. Quả thật, việc hôn nhân xuất phát từ sự nợ nần tài sản: người vay phải gả một con gái về gia đình cho vay, vì mang nợ họ; người cho vay được lấy một cô gái của người đi vay, vì đã cho họ vay. Nói cách khác, việc hôn nhân ở đây được hình thành, khẳng định, bảo đảm bằng quan hệ phụ thuộc bởi của cải giữa người vay nợ và người cho vay.

Song, cũng không hẳn chỉ là quan hệ vay - trả, cũng không đúng nếu nhìn nhận thuần túy dưới góc độ kinh tế. Như đã biết chắc

chắn, người Cơ-tu theo thể chế phụ hệ, phụ quyền, tập quán cư trú sau kết hôn là vợ về ở nhà chồng, mà hình thức gia đình lớn cho đến cách đây chưa lâu lắm vẫn còn phổ biến. Trong điều kiện ấy, về phương diện nhân lực - lao động, người phụ nữ Cơ-tu khi đã đi lấy chồng sẽ đưa lại cho nhà chồng lợi ích rõ rệt, ngược lại, gây thiệt thòi đáng kể ở gia đình xuất thân của cô ta. Giá “đầu tôi” khá cao (đặt trong bối cảnh đời sống kinh tế và quan niệm về giá trị tài sản trong xã hội cổ truyền Cơ-tu): thậm chí có thể ngang bằng giá 7-8 con trâu, có khi lớn hơn hẳn so với giá trị của cải mà bên trai phải chi phí khi cưới vợ. Như vậy, một khi đơn thuần là quan hệ vay - trả, gia đình chủ nợ đương nhiên nhận cô dâu về mà không cần tốn kém gì thêm cho nhà gái nữa. Nhưng trên thực tế, có điều đáng chú ý là, nhà trai vẫn tổ chức đám cưới bình thường, với khoản sính lễ đầy đủ theo lệ tục và khả năng, không tính đến những gì đã cho nhà gái vay từ thuở chưa hề có cô gái - cô dâu. Có thể nói: đây là kiểu hôn nhân vì nợ, nhưng không phải lấy hôn nhân để trả nợ, dù rằng nhờ cuộc hôn nhân ấy mà hết nợ. Có chăng, một số gia đình không có nhu cầu lấy cô ta làm dâu, làm vợ, nên đem gả đi, thì mới nhân cơ hội thách cưới để qua đó nhận lại tức thời số tài sản đã ứng ra cho vay trước kia. Tuy nhiên, đó không phải là phổ biến.

Kể từ khoảng 10 tuổi trở đi, cô gái được xem như đã giao cho nhà trai - chủ nợ; mặc dù vậy, cô vẫn tiếp tục sống cùng cha mẹ đẻ, chỉ thi thoảng có qua lại bên gia đình kia. Thường khi đã 15-16 tuổi, cô ta mới chính thức đi làm dâu. Nếu cô không tuân theo lời ước hẹn của bậc sinh thành, quyết lấy người khác, toàn bộ số của cải do nhà trai dẫn cưới sẽ thuộc về chủ nợ của gia đình cô ta, hoặc cha mẹ cô phải hoàn trả nợ xưa.

Còn trong trường hợp không có con gái, lời giao hẹn có thể tiếp tục có hiệu lực ở đời sau, thậm chí đời sau nữa - nghĩa là, con, cháu phải giải quyết chuyện nợ nần của ông

(1) Trần Văn Tuấn, trong *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, đã dẫn, tr. 201-202.

2- Nguyễn Hữu Thấu, đã dẫn, tr. 85

cha. Song, bên cạnh đó, có thể cũng xảy ra 2 khả năng sớm kết thúc hơn: hoặc món nợ được xí xóa nếu đôi bên quan hệ đặc biệt thân thiết với nhau, hoặc người vay buộc phải trả lại khoản nợ. Trong mọi tình huống, không phải luôn đơn giản “nếu sinh toàn con trai thì người cho vay phải chịu thiệt thòi” như có tác giả đã viết(1).

Nhìn chung lại, ngoài khía cạnh thuộc phạm vi quan hệ mang tính chất mua bán người con gái, hiện tượng “đầu tôi” cũng chứa đựng ở chừng mực nào đó cả ý nghĩa hàm ơn đối với người cho vay của cải: Trong tâm lý chung của đồng bào Cơ-tu, con gái được ưa thích không thua kém rõ rệt so với con trai, một phần là do nhờ gả chồng mà cha mẹ thu được số của cải đáng quan tâm; khi giao ước gả một đứa con gái gắn với việc vay nợ, người vay còn chưa biết mình có thực hiện được như thế hay không trong tương lai, người cho vay cũng chưa biết sự thể rồi sẽ được như lời hứa hẹn hay không, nhưng dù sao thì trong mối quan hệ này, người vay ở vị thế chịu ơn và muốn ưu tiên dành cho người cho vay đứa con gái đầu tiên của mình. Vậy phải chăng ở vùng người Cơ-tu có vấn đề chênh lệch cơ cấu giới tính trong dân số, gây ra tình trạng thiếu phụ nữ? - Một kết quả xem xét trên số liệu thống kê ở Quảng Nam - Đà Nẵng cho hay: trên địa bàn phân bố người Cơ-tu, tỷ lệ trẻ sinh ra ở huyện Hiền cứ 100 em gái thì 98 em trai, ở huyện Giăng - 100 em gái - 136 em trai(2). Nếu như những số liệu này đúng với sự thực thì giả định vừa nêu cũng chỉ thích hợp ở vùng Giăng mà thôi.

“Nạn đầu tôi” (hay “hôn nhân ký của”) vẫn là hiện tượng cần được nghiên cứu kỹ thêm để có lời giải đáp xác đáng hơn.

III. Mối liên hệ giữa các mắt xích trong dây chuyền kết hôn

Giới nghiên cứu dân tộc học thống nhất rằng: một trong các đặc điểm của thiết chế hôn nhân ở tộc Cơ-tu là nguyên tắc dây chuyền, thuận chiều giữa các bên tham gia vào quan hệ hôn nhân, và coi đó là tàn tích của hình thức liên minh hôn nhân 3 thị tộc. Ở dạng điển hình, con trai thị tộc A lấy vợ

ở thị tộc B, con trai thị tộc B không được lấy vợ ở thị tộc A, mà phải lấy ở thị tộc C, đến lượt mình, con trai thị tộc C lấy vợ ở thị tộc A. Theo tập tục Cơ-tu còn lưu truyền phổ biến, đơn vị ngoại hôn là “dòng họ” (*ca-buh*), diễn tả theo lối mô hình thì trai dòng họ A một khi đã làm rể của dòng họ B, trai dòng họ B phải tìm vợ trong dòng họ C... Thường thấy một dòng họ có quan hệ kết hôn dây chuyền và thuận chiều như thế với đồng thời một số dòng họ khác, hiện tượng giữ quan hệ kết hôn trong vòng khép kín 3 dòng họ hầu như đã lùi về quá khứ.

Từ gần đây, việc phá bỏ nguyên tắc thuận chiều theo kiểu dây chuyền đã nảy nở, nhất là ở những nơi đã tiếp thu nhiều ảnh hưởng của người Kinh. Ví dụ, qua điều tra cuối năm 1994 ở 2 thôn thuộc xã Ta-bing, huyện Giăng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, cho thấy như sau (xét số trường hợp quan hệ kết hôn giữa trai họ này với gái họ kia):

| Họ có quan hệ hôn nhân | Thuận chiều | Ngược chiều |
|------------------------|-------------|-------------|
| <i>Thôn Pa-xuar:</i> | | |
| Ploong - Drâm | 3 | 1 |
| Ploong - Alăng | 2 | 1 |
| Ploong - Bríu | 6 | 3 |
| Aviét - Hối | 1 | 1 |
| Aviét - Cor | 1 | 1 |
| Aviét - Bríu | 3 | 2 |
| <i>Thôn Dơ-ra:</i> | | |
| Ploong - Alăng | 4 | 2 |
| Ría - Ploong | 3 | 2 |
| Cor - Alăng | 2 | 1 |
| Ploong - Drâm | 2 | 1 |
| v.v... | | |

Tuy vậy, tập tục kết hôn theo nguyên tắc thuận chiều, dây chuyền đến nay vẫn được đại đa số người Cơ-tu tuân thủ. Chỉ có điều nếu sau khoảng 3-4 đời không có những cuộc kết hôn “nhắc lại” mối quan hệ dây chuyền

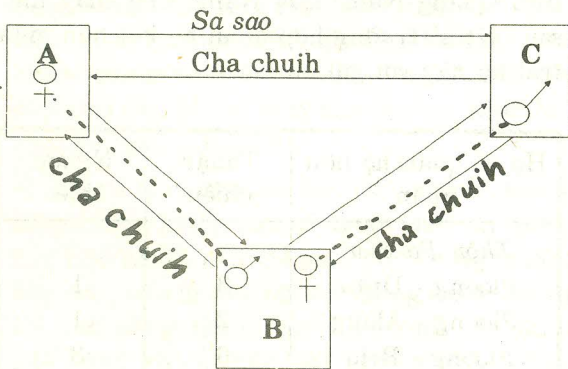
(1) Trần Văn Tuấn, trong T.L. đã dẫn, tr. 202.

(2) Lê Duy Đại: “Vai nhận xét bước đầu về đặc điểm dân số học tộc người ở miền núi Quảng Nam - Đà Nẵng”. TC.DTH, số 2 - 1986, tr. 43

thuận chiều đã có với nhau, khi đã phai lãng đi, việc hôn nhân ngược chiều (so với trước) có thể xảy ra được: tức là lại bắt đầu một dây chuyền kết hôn mới, khác trước.

Trong dây chuyền kết hôn, hình thành nên các mối liên hệ giữa một số mắt xích cơ bản, phát sinh như hệ quả của quan hệ hôn nhân thuận chiều. Sau đây là một số dạng thức:

1. A gả con gái cho B; B gả con gái cho C: A gọi B cũng như B gọi C, và như A gọi C là "sa sao". Ngược lại, C gọi B cũng như B gọi A và như C gọi A là "cha chuih". Lẽ dĩ nhiên, giữa các mắt xích nào cùng là sa sao hoặc cha chuih thì cùng có khả năng thiết lập quan hệ hôn nhân hoặc bị ngăn cấm thiết lập quan hệ hôn nhân như nhau theo quy tắc thuận chiều, dây chuyền.(xem hình 1)



Ghi chú:

Con gái
Con trai

..... Quan hệ kết hôn

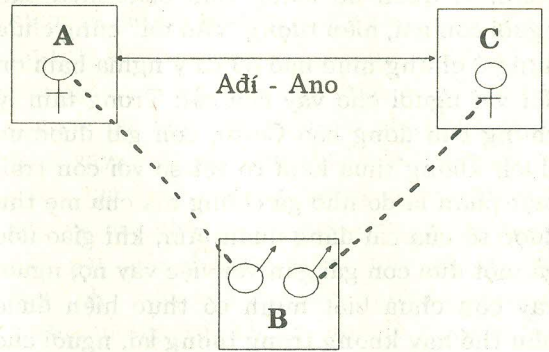
→ Sa sao: Quan hệ theo chiều mũi tên, bên này gọi bên kia là Sa sao

HÌNH 1

Cần giải thích về 2 thuật ngữ này: Trong tiếng Cơ-tu, từ Sa sao dùng để chỉ thông gia bên trai, con rể, cũng dùng trong trường hợp các cô dâu gọi các chú rể của cùng một gia đình, và có nơi êgô nữ gọi em rể cũng như các nam nữ đồng hao lớn tuổi hơn gọi những nam nữ đồng hao ít tuổi hơn là sa sao. Cha chuih chỉ thông gia đằng gái nói chung, đồng thời bao gồm bố vợ, bố chồng, anh chồng, có nơi kể cả anh vợ, em rể (êgô là nữ), những chị em nữ đồng hao lớn tuổi hơn (do những

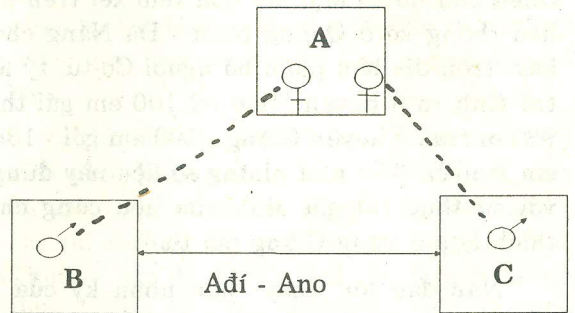
đồng hao ít tuổi hơn gọi), những anh em nam đồng hao với nhau.

2. A và C cùng gả con gái cho B: Ngoài các mối liên hệ giữa các mắt xích như đã diễn giải trên, A với C quan hệ "anh-em" (adĩ-ano), phía nào có cô dâu lớn tuổi hơn thì làm anh (ano), qua 3-4 đời khi quan hệ adĩ - ano kia đã bị "quên đi" trai gái đôi bên mới được lấy nhau.(xem hình 2)



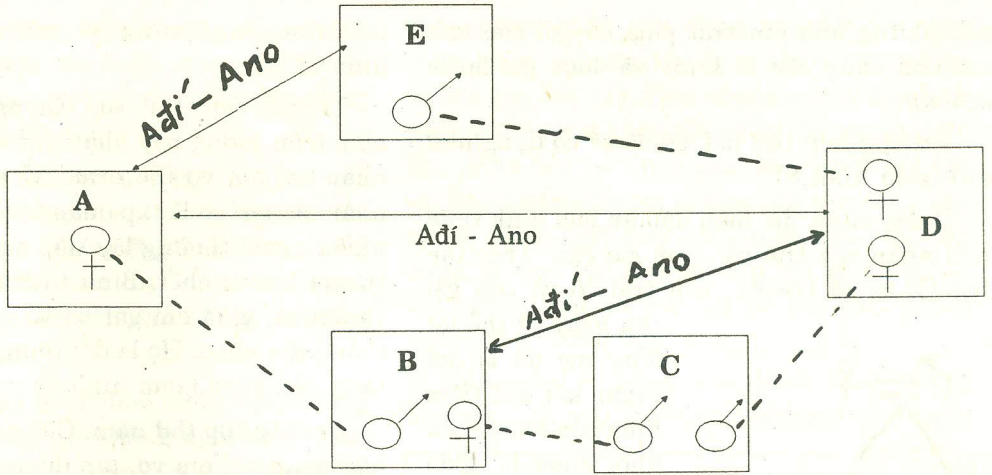
HÌNH 2

3. A gả con gái cho B và C: B với C quan hệ "anh - em" với nhau như trường hợp 2, giữa A với C vừa nêu trên, nhưng ở đây chỉ đến thế hệ tiếp theo đã có thể cho con thiết lập quan hệ hôn nhân với nhau.(xem hình 3)



HÌNH 3

4. A gả con gái cho B; B gả con gái cho C; D cùng gả con gái cho C và cho E: Quan hệ giữa A với E là adĩ - ano (anh - em), giữa A với D, giữa B với D đều như vậy.(xem hình 4)



HÌNH 4

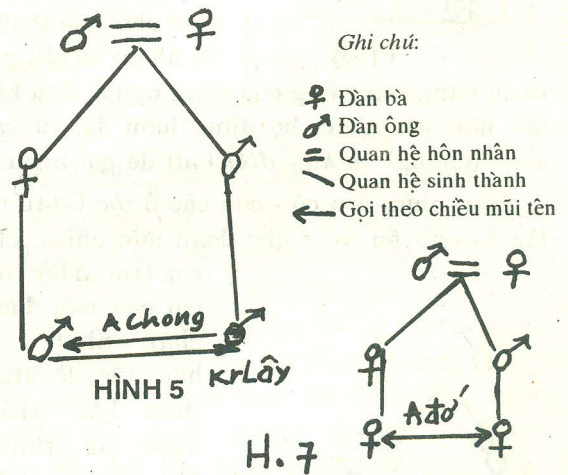
IV. Sự phản ánh các hình thức hôn nhân con cô-con cậu, hôn nhân anh em chồng, hôn nhân chị em vợ trong hệ thống thuật ngữ thân tộc

Căn cứ vào hệ thống thuật ngữ thân tộc của người Cơ-tu được ghi lại ở thôn Pà Xuar (xã Ta Bing, huyện Giăng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng)- đây là người Cơ-tu từ vùng gần biên giới Việt-Lào chuyển cư xuống - có thể thấy những điểm đáng lưu ý, lý giải được bằng quan hệ hôn nhân:

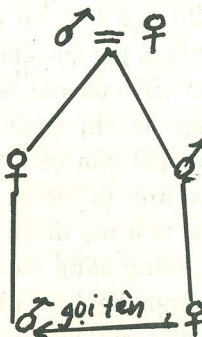
1. Êgô nam gọi con trai của chị (em) gái của bố cũng như gọi anh (em) rể là *achong*, gọi con trai của anh (em) trai của mẹ cũng như gọi anh (em) trai của vợ là *krlây*.
2. Êgô nam gọi con gái của anh (em) trai của mẹ bằng tên riêng. Êgô nữ gọi con trai của chị (em) gái của bố bằng tên riêng.
3. Êgô nữ gọi con gái của chị (em) gái của bố, con trai của anh (em) trai của mẹ cũng như gọi chị (em) gái của chồng và chị (em) dâu là *adố*.
4. Êgô nam gọi chị (em) gái của vợ bằng tên riêng. Êgô nữ gọi anh (em) rể trực tiếp bằng tên riêng.
5. Êgô nữ gọi em trai của chồng bằng tên riêng. Êgô nam gọi chị dâu bằng tên riêng.

Trước nhất, về trường hợp thứ nhất, có thể biểu thị như sơ đồ sau: (xem hình 5)

Rõ ràng, quan hệ *achong - krlây* đó phù hợp với hình thức hôn nhân con trai của chị



(em) gái lấy con gái của anh (em) trai, hay nói cách khác, hôn nhân con trai cô - con gái cậu. Theo quan hệ hôn nhân này, chàng trai kia lấy chị hoặc em gái của êgô nên đương nhiên được êgô gọi là *achong* (anh rể, em rể). Ngược lại, anh ta gọi êgô (với tư cách gọi con



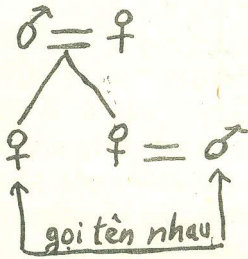
H. 6

trai của anh (em) trai của mẹ) là *krlây* - cũng đồng thời hàm nghĩa chỉ anh (em) trai của vợ. Vậy là, trong quan hệ con cô - con cậu, do bị chi phối bởi tập quán hôn nhân đang nói

tối, những anh em trai phía cô gọi các anh em trai đằng cậu là *krlây* và được gọi lại là *achong*.

Trường hợp thứ hai, sơ đồ sẽ có dạng như sau: (xem hình 6)

Ở đây cũng thể hiện dấu ấn của hình thức hôn nhân con trai cô - con gái cậu. Theo tập tục Cơ-tu cổ truyền, con trai cô và con gái cậu ngay từ thờ lạy lòng mẹ đã là đối tượng kết hôn tiềm tàng của nhau. Còn



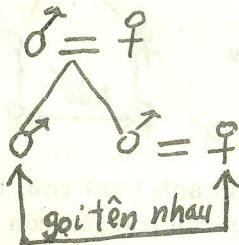
H. 8

nhỏ, quan hệ giữa họ là quan hệ riêng biệt *ka-la* (coi như đã được “đặt cọc”, “giữ chỗ”, đã thuộc về nhau) và chỉ gọi

nhau bằng tên riêng của từng người. Sau khi kết hôn với nhau, họ dùng luôn đại từ *ka-dich* (chồng) và *ka-diêl* (vợ) để gọi nhau.

Hôn nhân con cô - con cậu ở tộc Cơ-tu từ lâu đã chuyển sang giai đoạn một chiều: chỉ

con trai cô lấy con gái cậu mới được chấp nhận, và hơn nữa, là hình thức hôn nhân được ưa thích, không cho phép con trai cậu lấy ngược lại con gái cô. Do vậy, lối xưng hô vừa nói



H. 9

chỉ xuất hiện khi người con trai gọi các con gái của cậu mình, và tương ứng là người con gái gọi các con trai của cô mình mà thôi.

Trường hợp thứ ba: Khi êgô làm vợ con trai của cậu, êgô gọi các chị em gái của chồng mình (cũng tức là gọi con gái của chị (em) gái của bố) là *adố*. Nếu êgô là chị (em) gái của người con trai lấy con gái của cậu, êgô gọi các chị (em) gái của vợ anh ta (cũng tức là gọi con gái của anh (em) trai mẹ mình, kể cả chị (em) dâu của mình, cũng bằng một từ *adố*. Tóm lại, kèm theo quan hệ hôn nhân con trai cô - con gái cậu, giữa các chị em gái bên chồng và các chị em gái bên vợ chỉ có

một thuật ngữ xưng hô *adố* với nhau. (xem hình 7)

Trường hợp thứ tư: Không nghi ngờ gì nữa, hiện tượng này phản ánh hình thức hôn nhân chị em vợ (Sororat). Ở tộc Cơ-tu, hôn nhân chị em vợ là tập quán phổ biến, đặc biệt nhiều người thường lấy tiếp em hoặc chị của vợ sau khi vợ chết. Bình thường, giữa chị vợ và em rể, giữa em gái vợ và anh rể đều gọi thẳng tên nhau. Họ là đối tượng kết hôn tiềm tàng của nhau. (xem hình 8)

Trường hợp thứ năm: Cũng như hình thức hôn nhân chị em vợ, tập quán hôn nhân anh em chồng (Levirat) tồn tại phổ biến trong xã hội Cơ-tu. Thường sau khi chồng chết, người vợ góa sẽ trở thành vợ của em hoặc anh chồng. Bằng vào logic, lẽ ra giữa anh trai chồng và em dâu, giữa em trai chồng và chị dâu đều gọi thẳng tên nhau. Song, cách xưng hô như thế lại chỉ diễn ra hạn hẹp trong quan hệ giữa chị dâu và em trai chồng, còn em dâu và anh chồng là 2 đối tượng có 2 đại từ khác nhau để xưng gọi. Như vậy, không hoàn toàn giống quy luật chung thấy trong mấy trường hợp khác, đến đây thuật ngữ thân tộc chỉ phản ánh hình thức hôn nhân với em trai chồng, mặc dù trên thực tế - như đã biết - cả anh, em trai chồng một bên, cả chị, em dâu một bên đều là đối tượng kết hôn tiềm tàng của nhau một cách phổ biến. (xem hình 9)

V. Những khu biệt có tính biểu trưng giữa nhà trai với nhà gái

Đây là một tục lệ khá đặc biệt trong cưới xin và hôn nhân, gắn liền với quan hệ ứng xử giữa hai phía thông gia, cả từ sau đám cưới trở đi.

Dù dưới hình thức quà biếu, hay phải giao nộp hoặc mời ăn uống; dù là lễ hỏi, lễ đính hôn, lễ cưới hay ngày Tết, ngày thường đều có sự phân biệt ranh mạch bắt buộc thành đôi bên khác nhau:

Bên trai bao giờ cũng chỉ được cho bên gái thịt thú 4 chân (lợn, trâu, bò, v.v..), thịt

(1) Loại rượu chế từ nước của cây *tà-vạc* họ dứa, đồ uống thông dụng, nhất là với đàn ông Cơ-tu.

con vật bò sát (rắn, trăn), rượu *tà vạc* (1) (nay có thêm rượu cất nữa), cơm gạo tẻ, đồ vật kim loại (chiêng đồng, nay thêm cả đồng hồ, xe đạp, đài), đồ gốm (ché, bát)

Bên gái dành cho bên trai thịt các con vật 2 chân hoặc biết bay (gà, chim, vịt, kể cả trứng của chúng, nhộng ong), các con vật ở dưới nước (cá, ếch), các loại rượu cần, rượu mía, cơm gạo nếp, đồ vải (đặc biệt là loại tấm đắp, tấm choàng).

Trong bữa liên hoan đám cưới, người đàn trai và người đàn gái không ngồi ăn chung, chỉ ăn uống những thứ do bên thông gia chu cấp theo phong tục. Khi sẵn hay bầy được thịt rừng, theo tập quán chia phần cho mọi người, nguyên tắc trên cũng chi phối trong quan hệ nhà trai - nhà gái: thậm chí nếu được chim, nhà gái đưa hết cho nhà trai, nếu được lợn rừng, nai, v.v... nhà gái chỉ chia cho nhà trai suất thịt bình thường như cho người khác, không ưu tiên hơn hẳn như trong trường hợp nhà trai dành suất thịt con vật 4 chân cho thông gia. Đến cả thuốc lá cũng được phân loại gắn với sự phân biệt ấy: Ngày nay, thuốc có đầu lọc được nhà gái dùng để mời nhà trai, còn nhà trai thì đem thuốc không có đầu lọc cho nhà gái...

Ở người Cơ-tu, nhà trai luôn nể trọng một cách đặc biệt đối với nhà gái, coi việc quan tâm giúp đỡ nhà gái là trách nhiệm của mình. Ngược lại, nhà gái cũng chu đáo đối với thông gia. Quan hệ thông gia kết gắn khăng khít, sâu sắc là một đặc điểm trong xã hội dân tộc này.

Ngay trong đám cưới có tổ chức đâm trâu, tuy là ở nhà trai, con trâu lễ của nhà trai, nhưng đại diện nhà gái lại được đâm nhất đầu tiên, rồi sau khi trâu đã ngã, được thực hiện lễ thức cầu xin trâu phù hộ làm ăn phát đạt và bằng cách tung đuôi trâu lên cột lễ để xem điềm báo tương lai tốt hay xấu.

Song, họ luôn luôn ở vị thế hai nửa, hai phía, có sự tách biệt và đối diện nhau bởi một số biểu hiện mang tính biểu trưng tồn tại dưới dạng tập tục. Có tác giả quan niệm hiện tượng bên nhà trai, bên nhà gái ăn uống riêng mâm, riêng thức ăn như một ví dụ về "thái

độ nghiêm khắc của đồng bào đối với việc chấp hành nguyên tắc hôn nhân một chiều và dây chuyền"(1). Phải chăng có thể giả định theo một hướng khác: Cùng với các hình thức hôn nhân con cô - con cậu, hôn nhân chị em vợ, hôn nhân anh-em chồng còn phổ biến (2), tục lệ phân biệt nhà gái - nhà trai như vậy cũng là một tục lệ phù hợp với tổ chức thị tộc lưỡng hợp xa xưa và là hội quang của ngoại hôn lưỡng hợp?

Đáng chú ý thêm, qua danh mục những thứ mà nhà trai dành cho nhà gái và ngược

| Nhà trai | Nhà gái |
|------------------------|-------------------------|
| - Con vật 4 chân | - Con vật 2 chân |
| - Con vật bò sát | - Con vật có cánh |
| - Trên cạn | - Có thứ dưới nước. |
| - Gạo tẻ. | - Gạo nếp |
| - Rượu chế từ cây rừng | - Rượu chế từ cây trồng |
| - Đồ kim loại, đồ gốm | - Vải dệt |

lại, không tính đến các yếu tố gia nhập muộn màng, có cơ sở cho phép ta sơ cảm rằng: nó có phần phản ánh sự phân công lao động theo giới tính của xã hội truyền thống Cơ-tu. Quả thật, ngoài đồ kim khí và gốm do bên ngoài cung cấp thông qua trao đổi hàng hóa, còn lại trong các loại sản vật tự cấp tự túc ở vùng Cơ-tu, hầu hết các giống con vật 4 chân đều chủ yếu thuộc lĩnh vực hoạt động của đàn ông (săn bắn cũng như chăn nuôi), trăn rắn cũng là đối tượng săn bắt của đàn ông, rượu *tà-vạc* do đàn ông làm ra; còn với đàn bà những thực phẩm họ thường đóng góp vào bữa ăn là cá cua xúc tát dưới suối, chim chóc kiếm được, cùng nhiều sản phẩm do hái lượm đem lại, gà nhà được họ chăn nuôi, rượu cần và rượu mía do họ chế biến, nghề dệt hoàn toàn nằm trong tay họ.

Người nghiên cứu có thể có sự suy luận, liên tưởng này khác và muốn nắm bắt cốt lõi, cuội nguồn lịch sử cũng như mối liên quan gì đó chứa đựng trong tục lệ cổ truyền nói trên. Song, có một thực tế khách quan là,

(1) Nguyễn Hữu Thấu, bài đã dẫn, tr. 82

(2) Gần đây, có nơi chính quyền đã ngăn cấm hôn nhân con cô - con cậu.

người Cơ-tu còn bảo lưu tư duy khá cổ sơ về khác biệt nhà trai - nhà gái

Trong quan hệ hôn nhân - cưới xin, sự khác biệt ấy được thể hiện qua hình thức vật chất hóa mà ta có thể khái quát như sau:

VI. Một số tín niệm liên quan đến hạnh phúc lứa đôi

Cũng như các tộc Thượng khác ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, người Cơ-tu rất coi trọng việc xem điềm báo và tin vào sự linh ứng huyền bí giữa hiện tượng hay sự vật được dùng để xem xét với diễn biến sẽ xảy ra trong đời sống của mình. Trong lĩnh vực hôn nhân - cưới xin cũng vậy.

Việc phán đoán qua dấu hiệu trên chân gà hoặc gan lợn khá phổ biến, thường thực hiện nhân các lễ thức trước khi tiến đến tổ chức đám cưới. Chân gà trống (còn là gà giò) nhúng trong nước sôi một lát, theo quy ước ngón giữa tượng trưng cho ý trời, 1 ngón - chàng trai, 1 ngón - cô gái, 1 ngón nhỏ phía sau - gia đình tương lai của họ: nếu ngón giữa co thẳng vào, không ngả về bên nào mới là điềm tốt, yên tâm cho họ lấy nhau. Đường khía tự nhiên ở lá gan lợn nếu dài có nghĩa là hạnh phúc của chàng trai với cô gái sẽ lâu bền; sờ lên mặt ngoài lá gan nếu thấy dính là đôi vợ chồng sẽ gắn bó thắm thiết với nhau; v.v... Đồng bào Cơ-tu quan niệm như vậy và kết quả xem bói như thế sẽ quyết định đến việc đôi trai gái có được nên vợ nên chồng hay không. Thậm chí, trong trường hợp hôn nhân theo lối "cướp vợ", dù đã mang được cô gái về nhà trai, nhưng nếu điềm báo ở chân gà không thuận, thì chàng trai vẫn không dám cưỡng lại ý "thần linh", đành đưa cô gái trả về cho gia đình cô ta.

Cũng căn cứ vào phỏng đoán - suy diễn theo kiểu hình thức và hiện tượng, trên cơ sở niềm tin có tính tôn giáo của cộng đồng, đám cưới của người Cơ-tu phải thực hiện nghi thức "xiết chặt lời nói" (*tmung pra*): nhà chồng, nhà vợ, cô dâu, chú rể đều thề thốt, hứa hẹn sống gắn bó với nhau, chung thủy với nhau, kềm theo có hành động giao kết,

thường là đôi bên đối chén rượu cho nhau rồi cùng uống hết, có nơi cho cặp tân hôn trùm chung một tấm vải. Họ làm nghi thức thiêng liêng này không chỉ dưới sự chứng kiến của mọi người, mà còn xem như có sự chứng giám của "thần linh". Kể từ đó giữa họ đã có sự ràng buộc không thể tùy tiện phá bỏ được.

Hôm sau ngày cưới, như ở vùng thấp của huyện Hiền cảnh hạn, dân làng tránh đi đâu ra khỏi làng, vì e rằng cô dâu mới có thể theo ra, mà điều này lại được cho là một dấu hiệu về khả năng dễ rời bỏ của cô ta đối với chồng.

Đôi vợ chồng mới cưới kiêng một số loại thức ăn trong khoảng 1-2 tháng đầu: ớt, thịt trần, rắn, rùa, kỳ nhông, mang(1), rúi. Bởi lẽ, người Cơ-tu tin rằng ăn ớt sẽ nóng nảy, gắt gỏng, sinh lục đục: ăn thịt trần, rắn, rúi sẽ dễ dẫn đến chỗ mất tinh cảm tốt đẹp giữa nàng dâu với gia đình bên chồng; ăn thịt rùa, kỳ nhông là những con vật sống đơn lẻ, chui lủi lạng lẹ thì sẽ có thể ích kỷ, tiếc của, chê chán nhau; ăn thịt mang sẽ khó tránh khỏi việc ly dị nhau.

Trong quan hệ thông gia cũng vậy, theo tập tục Cơ-tu, nhà trai không bao giờ cho hoặc mời nhà gái ăn thịt rúi, kỳ nhông và rùa, bởi tín niệm như vừa nói, bởi muốn giữ tinh cảm và sự gắn bó đằm thắm với nhau.

*

* *

Còn phải công phu và cần thêm nhiều tư liệu nữa mới có thể nghiên cứu sâu kỹ, đây đủ hơn về hôn nhân - cưới xin của người Cơ-tu. Cần kịp thời tích lũy để tăng cường hiểu biết nhiều khía cạnh lý thú quanh vấn đề hấp dẫn này. Với nhận thức như thế, với mong muốn việc tìm hiểu về người Cơ-tu nói chung, về hôn nhân - cưới xin ở tộc này nói riêng tiếp tục tiến triển, 6 điểm trình bày trên đây là một số kết quả bước đầu nhằm phục vụ cho quá trình ấy.

(1) Mang là loại thú rừng gần gũi với giống hươu nai, có vị trí khác thường trong tín ngưỡng cổ truyền Cơ-tu.